

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày: 05 – 02 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thành;

2. Nguyễn Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

X, sinh năm: 1994, tại: S; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 684/11/7, đường T, Khóm 3, Phường 5, Thành phố S, tỉnh S; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: T, sinh năm: 1973 và bà L, sinh năm: 1977; Có vợ: C, sinh năm: 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tháng 6/2012, UBND Phường 5, Thành phố S áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, thời gian 06 tháng về hành vi sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng;

Bản án số: 110/2013/HSST ngày 11/12/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh S xử phạt 04 năm tù về hành vi cướp giật tài sản, đã xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại (bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố S), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị hại: Chị N, sinh năm 1986 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: P, sinh năm: 1991 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp Tân Phú, xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Anh V, sinh năm: 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Chị T, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Về hành vi của bị cáo:* Khoảng 10 giờ ngày 14/7/2019, P đến nhà trọ Tư Cọp thuộc ấp Voi Lúa, xã H, huyện L, tỉnh Long An chơi và gặp X. Cả hai rủ nhau đi tìm tài sản trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. X lấy 01 con dao dài khoảng 30cm, bỏ vào túi quần và điều khiển xe mô tô, loại Wave, biển kiểm soát 94L1 – 1510 mượn của người bạn tên D (không rõ họ tên, địa chỉ) chở BT đi theo đường tỉnh lộ 835C hướng từ huyện L đến xã V, huyện Đ. Khi cả hai đi ngang qua nhà chị T thuộc Ấp 4, xã V, huyện Đ, X thấy trước sảnh có dựng một xe mô tô loại Wave Alpha, màu đỏ, biển số 62L1 – 297.05 chìa khóa gắn trên xe, không người trông giữ nên X quay xe lại. X ngồi ngoài xe cảnh giới, còn BT lên lút đi vào dẫn xe ra. Khi BT dẫn xe ra đường tỉnh lộ 835C thì chị N là chủ sở hữu xe mô tô nêu trên, đang ngồi nói chuyện với chị T ở nhà sau, nghe có tiếng động nên chạy lên phát hiện và tri hô “cướp, cướp”. BT lên xe nổ máy chạy về hướng cầu B tẩu thoát, X điều khiển xe chạy theo phía sau. Lúc này, anh V đang chơi ở tiệm sửa xe cạnh nhà chị T nghe tiếng tri hô nên dừng xe mô tô hiệu Ecxiter màu đen, biển số 50N1 – 572.29 đuổi theo. Khi đến cầu B, BT và X chạy hai xe song song nhau, X chạy ngoài cản trở, BT chạy trong, anh Vũ dùng chân đạp vào xe của X một cái. X quay xe qua hỏi “gì vậy?”. Anh Vũ nói “Mày lấy xe người ta mà nói gì”. X lấy dao trong túi quần ra quơ về hướng anh Vũ. Thấy có dao nên anh Vũ không dám truy đuổi nữa. BT và X chạy tẩu thoát về nhà trọ Tư Cọp, BT giao xe vừa trộm được cho X đi tiêu thụ. Đến chiều cùng ngày, X đưa cho BT 1.480.000 đồng. Hiện xe mô tô biển kiểm soát 62L1 – 297.05 chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận số 40/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05 có giá trị là 8.900.000 đồng.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2019 và ngày 19/10/2020 bị cáo X thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo và BT rủ nhau đi trộm tài sản và đã lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05 của chị Nhung. Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai.

Chủ tọa công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan P, bị hại N, người làm chứng V, T:

Bị hại chị N có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra. Ngày 14/7/2019 chị Nhung điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05 đến nhà chị T chơi. Khi đến nhà chị T

chị Nhung đậu xe ở sảnh nhà khách nhà chị T, đầu xe quay vào trong nhà, đuôi xe hướng ra lộ. Khoảng 10 phút sau, chị Nhung nghe tiếng động nên chạy lên xem và phát hiện ra xe của chị bị BT lấy trộm chạy về hướng cầu B. Chị tri hô lên và anh V có đuổi theo BT nhưng không kịp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan P khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và tại phiên tòa ngày 29/4/2020 (với tư cách là bị cáo) như sau: Do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên khi X và P rủ nhau đi trộm tài sản, bị cáo đồng ý và đã lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05 của chị Nhung. Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo, không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người làm chứng V và T trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ diễn biến sự việc đã nêu trên là đúng.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSCĐ ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo X về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo X đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo X phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo X từ 02 đến 03 năm tù.

Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại Bản án số: 08/2020/HS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 94L1 -1510 là phương tiện liên quan đến vụ án, qua xác minh do anh Nguyễn Văn Đang đứng tên chủ sở hữu nhưng hiện tại anh Đang không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý sau là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:*

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét nội dung vụ án:*

[2.1] Khoảng 10 giờ ngày 14/07/2019, tại Ấp 4, xã V, huyện Đ, bị cáo X và P đã lợi dụng sơ hở của chị N trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, P là người thực hành. Bị cáo X là người giúp sức nhưng quá trình chạy trốn thì bị cáo X có hành vi dùng dao đe dọa hành hung người truy đuổi nhằm tẩu thoát.

[2.2] Tại bản kết luận số 40/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: xe mô tô biển kiểm soát số 62L1 – 297.05 có giá trị là 8.900.000 đồng.

[2.3] Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

đ) Hành hung để tẩu thoát;

...”

[2.4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.5] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.6] Xét hình phạt đối với bị cáo:

Xét hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến tài sản của bị hại; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo phải chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần phát triển xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng bị cáo lại thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội; bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động; trộm cắp tài sản có được từ công sức lao động vất vả của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 các Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.7] Xét trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại Bản án số: 08/2020/HS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Bị cáo X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với hành vi của P đã được xét xử tại Bản án số: 08/2020/HS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

[5] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 94L1 – 1510 là phương tiện có liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra xác minh do anh Nguyễn Văn Đang, sinh năm 1980, HKTT: ấp Cây Điều, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh anh Đang không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố: Bị cáo X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo X 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[3] Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về án phí: Bị cáo X phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc